

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 10 năm 2024

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Sao y bản chính/Sao lục:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Số lượng:.....

Nơi nhận:.....

Thẩm quyền sao:.....

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Sở Y tế thành phố Đà Nẵng

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng.

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh 0511/SYT-GPHĐ, do Sở Y tế thành phố Đà Nẵng, cấp ngày 07/7/2014.

Địa chỉ: 91 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bác sĩ Kim Văn Hùng.

Điện thoại liên hệ: 0236.3.760528 – 0236.3.756951.

Email: benhvien daliieu@danang.gov.vn

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành:

- Y khoa
- Điều dưỡng
- Kỹ thuật xét nghiệm y học
- Chuyên khoa I da liễu, bác sĩ nội trú chuyên ngành da liễu.

2. Trình độ đào tạo thực hành:

- Đại học
- Sau đại học, chuyên khoa I, bác sĩ nội trú.

3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ):

- Tối đa 165 học viên tại cùng một thời điểm

4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: (Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 1).

5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng: (Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 2)



6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành:
(Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 3).

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)



BS. Kim Văn Hùng



PHỤ LỤC 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/Chuyên ngành	Môn học /Học phần /Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/Đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm	Số học viên thực hành tối đa có thể nhận
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	7720 101	Đại học	Y khoa	Đại cương	Đại cương về da liễu	Khoa Da 1	2	20	50	150			20
				Bệnh phong	Bệnh phong	Khoa Da lây	2	20	14	42			20
				Bệnh lây truyền qua đường tình dục	Các bệnh lây truyền qua đường tình dục	Khoa Da lây	2	20	14	42			20
				Bệnh da	Các bệnh về da	Khoa Da 1	2	20	50	150			20
2	7720 301	Đại học	Điều dưỡng	Các tổn thương cơ bản	Các tổn thương cơ bản	Khoa Da 1	1	10	50	150			10
				Chăm sóc người bệnh phong	Chăm sóc người bệnh phong	Khoa Da lây	1	10	14	42			10
				Chăm sóc người bệnh da	Chăm sóc người bệnh da	Khoa Da 1	1	10	50	150			10
				Chăm sóc người bệnh STI	Chăm sóc bệnh lây truyền qua đường tình dục	Khoa Da lây	1	10	14	42			10

3	7720 601	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Học phần Huyết học	Các xét nghiệm về Huyết học	Khoa CLS	1	10	5	15			10
				Học phần Hóa sinh	Các xét nghiệm về Hóa sinh	Khoa CLS	1	10	5	15			10
				Học phần Vi sinh	Các xét nghiệm về Vi sinh	Khoa CLS	1	10	5	15			10
				Học phần Ký sinh trùng	Các xét nghiệm về Ký sinh trùng	Khoa CLS	1	10	5	15			10
				Học phần Giải phẫu bệnh	Các xét nghiệm về Giải phẫu bệnh	Khoa CLS	1	10	5	15			10
4	CK6 0733 5	Sau đại học	Da liễu	Chuyên ngành 1	Đại cương về Da	Khoa Da 1	1	5	50	150			5
				Chuyên ngành 2	Bệnh nám	Khoa Da 1	1	5	50	150			5
				Chuyên ngành 3	Bệnh.phong	Khoa Da lây	1	5	14	42			5
				Chuyên ngành 4	Bệnh Da miễn dịch dị ứng	Khoa Da 1	1	5	50	150			5
				Chuyên ngành 5	Bệnh Da nhiễm khuẩn	Khoa Da 1	1	5	50	150			5
				Chuyên ngành 6	Bệnh lây truyền qua đường tình dục	Khoa Da lây	1	5	14	42			5
				Chuyên ngành 7	Các phương pháp điều trị bệnh Da	Khoa Da 1	1	5	50	150			5



PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Trình độ Đại học – Y khoa – Da liễu)

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học /Học phần /Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/Đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Lương Quang Thâm	Bác sĩ Chuyên khoa I	Da liễu	000882/ĐNA-CCHN Ngày cấp: 29/10/2012	Da liễu	12	Bệnh lây truyền qua đường tình dục	Các bệnh lây truyền qua đường tình dục	Khoa Da liễu	14
2	Trần Công Đức	Bác sĩ Chuyên khoa I	Da liễu	001782/ĐNA-CCHN Ngày cấp: 4/6/2013	Da liễu	11	Bệnh phong	Bệnh phong	Khoa Da liễu	14
3	Võ Hồng Hà	Bác sĩ Chuyên khoa I	Da liễu	004221/ĐNA-CCHN Ngày cấp: 30/6/2014	Da liễu	10	Bệnh phong	Bệnh phong	Khoa Da liễu	14
4	Trần Thị Thu Hiền	Bác sĩ Chuyên khoa I	Da liễu	001901/ĐNA-CCHN Ngày cấp: 01/6/2019	Da liễu	5	Bệnh lây truyền qua đường tình dục	Các bệnh lây truyền qua đường tình dục	Khoa Da liễu	14
5	Huỳnh Ngọc Thắng	Dược sĩ Chuyên khoa I	Dược sĩ	0455/ĐNA-CCHND Ngày cấp: 25/9/2015	Dược	9	Đại cương	Đại cương thuốc da liễu	Khoa Da 1	50
6	Đoàn Văn Hùng	Thạc sĩ bác sĩ	Da liễu	000838/ĐNA-CCHN Ngày cấp: 29/10/2012	Da liễu	12	Đại cương	Đại cương về da liễu	Khoa Da 1	50
7	Trương Hồng Quỳnh Mai	Bác sĩ Chuyên khoa I	Da liễu	000238/ĐNA-CCHN Ngày cấp: 20/7/2012	Da liễu	12	Bệnh da	Các bệnh về da	Khoa Da 1	50
8	Võ Dương Nguyên Sa	Tiến sĩ Bác sĩ	Da liễu	0005744/ĐNA-CCHN Ngày cấp: 04/12/2015	Da liễu	9	Bệnh da	Các bệnh về da	Khoa Da 1	50

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Trình độ Đại học – Điều dưỡng – Da liễu)

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học /Học phần /Tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/Đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Đoàn Văn Hùng	Thạc sĩ bác sĩ	Da liễu	000838/ĐNA-CCHN Ngày cấp: 29/10/2012	Da liễu	12	Chăm sóc người bệnh STI	Chăm sóc bệnh lây truyền qua đường tình dục	Khoa Da liễu	14
2	Đặng Thị Thu Huyền	Bác sĩ Chuyên khoa I	Da liễu	003755/ĐNA-CCHN Ngày cấp: 25/4/2014	Da liễu	10	Chăm sóc người bệnh phong	Chăm sóc người bệnh phong	Khoa Da liễu	14
3	Lê Thị Kiều Trang	Điều dưỡng Chuyên khoa I	Điều dưỡng	001853 /ĐNA-CCHN Ngày cấp: 05/7/2013	Điều dưỡng	11	Chăm sóc người bệnh da	Chăm sóc các bệnh ngoài da	Khoa Da 1	50
4	Trần Thị Thùy Liên	Điều dưỡng Chuyên khoa I	Điều dưỡng	001814/ĐNA-CCHN Ngày cấp: 05/7/2013	Điều dưỡng	11	Các tổn thương cơ bản	Các tổn thương cơ bản	Khoa Da 1	50

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Trình độ Đại học – Kỹ thuật xét nghiệm y học)

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học /Học phần /Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/Đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Văn Minh	Thạc sĩ	Xét nghiệm	000800/ĐNA-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	12	Học phần Huyết học, Hóa sinh, Vi sinh, Ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh	Các xét nghiệm về Huyết học, Vi sinh, Hóa sinh, Ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh	Khoa CLS	5

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Trình độ Sau đại học – Chuyên khoa I; bác sĩ nội trú – Da liễu)

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học /Học phần /Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/Đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Đoàn Văn Hùng	Thạc sĩ bác sĩ	Da liễu	000838/ĐNA-CCHN Ngày cấp: 29/10/2012	Da liễu	12	Chuyên ngành 1	Đại cương về bệnh da	Khoa Da 1	50
2	Trần Công Đức	Bác sĩ Chuyên khoa I	Da liễu	001782/ĐNA-CCHN Ngày cấp: 4/6/2013	Da liễu	11	Chuyên ngành 2	Bệnh nấm	Khoa Da 1	50
3	Lương Quang Thâm	Bác sĩ Chuyên khoa I	Da liễu	000882 /ĐNA-CCHN Ngày cấp: 29/10/2012	Da liễu	12	Chuyên ngành 3	Bệnh phong	Khoa Da lây	14
4	Võ Dương Nguyên Sa	Tiến sĩ Bác sĩ	Da liễu	0005744/ĐNA-CCHN Ngày cấp: 04/12/2015	Da liễu	9	Chuyên ngành 4	Bệnh Da miễn dịch dị ứng	Khoa Da 1	50
5	Trương Hồng Quỳnh Mai	Bác sĩ Chuyên khoa I	Da liễu	000238/ĐNA-CCHN Ngày cấp: 20/7/2012	Da liễu	12	Chuyên ngành 5	Bệnh Da nhiễm khuẩn	Khoa Da 1	50
6	Trần Thị Thu Hiền	Bác sĩ Chuyên khoa I	Da liễu	001901/ĐNA-CCHN Ngày cấp: 01/6/2019	Da liễu	5	Chuyên ngành 6	Bệnh lây truyền qua đường tình dục	Khoa Da lây	14
7	Võ Hồng Hà	Bác sĩ Chuyên khoa I	Da liễu	004221/ĐNA-CCHN Ngày cấp: 30/6/2014	Da liễu	7	Chuyên ngành 7	Các phương pháp điều trị bệnh Da	Khoa Da 1	50

PHỤ LỤC 3
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ
**TẠI KHOA/PHÒNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH SAU ĐẠI HỌC CKI – BÁC SĨ NỘI TRÚ/
 BÁC SĨ Y KHOA/ĐIỀU DƯỠNG/ KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC**

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4
1	Hội trường lớn giảng dạy	01	Sức chứa 120 học viên
2	Hội trường nhỏ giảng dạy	01	Sức chứa 50 học viên
3	Dàn âm thanh	02	Trong hội trường
4	Internet tốc độ cao	01 hệ thống	Toàn viện
5	Màn hình	02	Trong hội trường
6	Máy chiếu	02	
7	Băng trắng	03	
8	Phòng trực cho học viên	03	
9	Phòng giao ban tại các khoa	03	
10	Bộ đo huyết áp	10	
11	Hộp chống sốc	03	



12	Giường bệnh	132	
13	Curret nạo thương tổn	04	
14	Đèn kính lúp	02	
15	Đèn LED điều trị bệnh da	05	
16	Bộ dụng cụ khám phát hiện bệnh phong	10	
17	Máy soi cổ tử cung	01	
18	Kính hiển vi	03	
19	Máy sinh hóa tự động	01	

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 10 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký và đóng dấu)



BS. Kim Văn Hùng

